

Số: /BC-UBND

Đồng Nai, ngày tháng 3 năm 2023

DỰ THẢO

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tổ chức, hoạt động, mức hỗ trợ, định mức trang bị phương tiện và điều kiện đảm bảo cho lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Căn cứ tình hình thực tế về an ninh trật tự tại địa phương, ngày 26/10/2010, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 184/2010/NQ-HĐND về số lượng và chế độ chính sách cho Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, đồng thời UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 71/2010/QĐ-UBND ngày 23/11/2010 Quy định về tổ chức và hoạt động của Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Ngày 31/7/2014, Chính phủ ban hành Nghị định số 79/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (khoản 2 Điều 35 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP) và tình hình, kết quả thực hiện công tác đảm bảo an ninh trật tự, PCCC của Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh; Ngày 09/12/2016, Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 130/2009/NQ-HĐND ngày 09/4/2009 của HĐND tỉnh về mức phụ cấp đối với Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Nghị quyết số 184/2010/NQ-HĐND ngày 26/10/2010 của HĐND tỉnh về số lượng và chế độ chính sách cho Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Ngày 24/11/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 136/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy (thay thế Nghị định số 79/2014/NĐ-CP). Tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP quy định: “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng; mức hỗ trợ căn cứ điều kiện thực tế của từng địa phương nhưng không thấp hơn 15% lương tối thiểu vùng”.

Ngày 31/12/2020, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư số 150/2020/TT-BCA quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành (thay thế Thông tư số 56/2014/TT-BCA).

Ngày 30/6/2021, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư số 04/2021/TT-BLĐTBXH hướng dẫn cụ thể một số chế độ đối với người được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy, phục vụ chữa cháy, thành viên Đội dân phòng, Đội PCCC cơ sở và chuyên ngành tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC.

Ngày 05/9/2021, Sở Tư pháp có Công văn số 2521/STP-XDPBPL về có ý kiến đối với việc tham mưu xử lý Nghị quyết số 184/2010/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và Quyết định số 71/2010/QĐ-UBND của UBND tỉnh. Trong đó, đề nghị xử lý xử lý như sau:

- Thứ nhất: Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 184/2010/NQ-HĐND và Điều 2 Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND mà không ban hành Nghị quyết mới quy định về chính sách hỗ trợ cho Đội dân phòng.

- Thứ hai: Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết mới quy định về chính sách hỗ trợ cho Đội dân phòng thay thế Nghị quyết số 184/2010/NQ-HĐND và Điều 2 Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND.

Như vậy, một số quy định về tổ chức, hoạt động, mức hỗ trợ và định mức trang bị phương tiện và điều kiện đảm bảo cho lực lượng dân phòng trong Nghị quyết số 184/2010/NQ-HĐND và Điều 2 Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND chưa đúng với các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan Trung ương ban hành. Để đảm bảo việc tổ chức, hoạt động của Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định Luật PCCC, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC, Nghị định 136/2020/NĐ-CP, các quy định pháp luật có liên quan và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế – xã hội của địa phương, cần thiết phải ban hành Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 184/2010/NQ-HĐND và Điều 2 Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

1.1. Các chế độ, chính sách về điều kiện đảm bảo cho hoạt động của lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được thực hiện theo các văn bản sau:

- Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;
- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn cứu hộ của lực lượng Phòng cháy chữa cháy;

- Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành;

- Thông tư số 04/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn một số chế độ đối với người được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy, phục vụ chữa cháy, thành viên Đội dân phòng, Đội Phòng cháy và chữa cháy cơ sở và chuyên ngành tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy.

- Nghị quyết số 184/2010/NQ-HĐND ngày 26/10/2010 về số lượng và chế độ chính sách cho Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 130/2009/NQ-HĐND ngày 09/4/2009 của HĐND tỉnh về mức phụ cấp đối với Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Nghị quyết số 184/2010/NQ-HĐND ngày 26/10/2010 của HĐND tỉnh về số lượng và chế độ chính sách cho Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Quyết định số 71/2010/QĐ-UBND ngày 23/11/2010 Quy định về tổ chức và hoạt động của Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Hướng dẫn số 5198/HDLS-STC-CAT-BCHQST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Sở Tài chính, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh về việc thực hiện một số chế độ quốc phòng - an ninh.

Phụ cấp và các khoản hỗ trợ lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh được nhận, như sau:

- *Phụ cấp:*

Mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho Đội trưởng Đội dân phòng là 0,5 mức lương cơ sở và 600.000 nghìn đồng, tương ứng với 1.345.000 đồng, Đội phó Đội dân phòng là 0,4 mức lương cơ sở và 500.000 nghìn đồng, tương ứng 1.096.000 đồng, Đội viên Đội dân phòng là 0,3 mức lương cơ sở và 400 nghìn đồng, tương ứng 847.000 nghìn đồng

- *Chế độ được hỗ trợ:*

Kinh phí chi cho việc thực hiện nhiệm vụ thường trực, tuần tra ban đêm của Đội dân phòng hàng tháng được thực hiện từ nguồn ngân sách xã theo tỷ lệ từ 50% đến 100% trên tổng kinh phí hỗ trợ theo hệ số hàng tháng cho Đội dân phòng, tùy theo khả năng từng xã để ấn định tỷ lệ phần trăm (50% đến 100% để chi cho phù hợp).

1.2. Thực trạng lực lượng dân phòng

- Ngày 08/6/2011, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1414/QĐ-UBND về việc thành lập 78 đội Dân phòng ở các xã trên địa bàn tỉnh. Theo các năm, trên cơ sở đề nghị của địa phương, UBND tỉnh tiếp tục ban hành quyết định thành lập các đội Dân phòng. Đến nay, toàn tỉnh có 119 đội dân phòng với 1.444 thành viên (Đội trưởng: 119 người, đội phó: 143 người, đội viên: 1.182 người). Trong đó có 2 đội Dân phòng nữ: huyện Thống Nhất 01 đội và huyện Xuân Lộc 01 đội. Theo Nghị quyết số 184, Quyết định số 71 trên địa bàn tỉnh còn thiếu 02 đội dân phòng. Từ khi được thành lập cho đến nay, Công an các xã đã chủ động tham mưu cho Đảng ủy, UBND xã chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể tuyên truyền, vận động, tuyển chọn người vào lực lượng Dân phòng và thực hiện đúng các chế độ chính sách để động viên mọi người tích cực tham gia.

- Các Đội Dân phòng đã chủ động phối hợp tốt với các ban ngành, đoàn thể, góp phần ổn định tình hình ở cơ sở thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ và giữ gìn ANTT tại cơ sở như:

+ Tham gia ứng trực tại trụ sở Công an xã hoặc tham gia hỗ trợ với lực lượng Công an giải quyết các vụ việc xảy ra trong ngày, giải quyết hành chính và các vụ việc khác theo sự chỉ đạo của Công an xã.

+ Kết hợp Công an viên nắm tình hình về ANTT; phát hiện, giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp nhỏ trong nội bộ Nhân dân; kịp thời tham mưu, đề xuất Công an cấp xã kịp thời giải quyết. Đôn đốc, nhắc nhở Nhân dân trong việc chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật như: Luật cư trú, Luật giao thông đường bộ, sử dụng quản lý giấy tờ tùy thân, nâng cao ý thức cảnh giác trong phòng ngừa các loại tội phạm...

+ Hỗ trợ, phối hợp với lực lượng Công an xã, phường, thị trấn thực hiện tuần tra vũ trang nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật, tham gia phối hợp thực hiện công tác bảo vệ hiện trường các vụ việc như: tại nạn giao thông, cấp cứu nạn nhân, phòng chống dịch bệnh, bảo vệ trật tự công cộng...

+ Kết hợp lực lượng Công an tuyên truyền vận động Nhân dân nâng cao ý thức cảnh giác phòng ngừa tội phạm, các hành vi vi phạm pháp luật. Vận động Nhân dân tham gia cảm hoá, giáo dục, giúp đỡ và quản lý những người chấp hành xong hình phạt tù, chấp hành xong quyết định đưa vào trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục. Hướng dẫn, nhắc nhở người dân thực hiện tốt việc đăng ký hộ khẩu, nhân khẩu, khai sinh, làm Chứng minh nhân dân (hoặc Căn cước công dân)... nắm những biến động về nhân khẩu, hộ khẩu. Ngoài việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, Đội Dân phòng còn thực hiện công tác khác theo sự phân công của cấp ủy, chính quyền địa phương và sự phối hợp của các ngành về công tác tuyên truyền thực hiện công tác đảm bảo ANTT trong thời gian qua.

+ Là một trong những lực lượng nòng cốt tham gia hoạt động PCCC và CNCH, bảo đảm ANTT ở địa bàn dân cư. Thời gian qua, lực lượng Dân phòng trên địa bàn tỉnh đã có nhiều đóng góp tích cực trong công tác PCCC và CNCH. Nhiều vụ cháy, tại nạn, sự cố xảy ra ở địa bàn dân cư đã được lực lượng Dân phòng phối hợp lực lượng Công an xã, lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH dập tắt, cứu người và tài sản. Bên cạnh đó, lực lượng Dân phòng còn thực hiện công tác phòng ngừa, kịp thời xử lý và dập tắt các đám cháy mới phát sinh, góp phần quan trọng trong việc hạn chế số vụ cháy và thiệt hại do cháy, sự cố tai nạn gây ra.

Kết quả: trong những năm qua, lực lượng Dân phòng đã cung cấp cho lực lượng Công an 15.206 nguồn tin liên quan đến ANTT, trong đó có 6.609 nguồn tin có giá trị phục vụ cho công tác quản lý địa bàn, đối tượng và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật; tổ chức 120.141 lượt, có 416.964 lượt phối hợp với lực lượng dân quân, thanh niên xung kích tuần tra, canh gác, chốt chặn sau 23 giờ. Qua đó đã phát hiện 4.296 vụ việc vi phạm liên quan đến ANTT, tham gia bắt giữ 1.939 đối tượng (trong đó có 125 đối tượng truy nã); phối hợp tham gia bảo vệ hiện trường 8.238 các vụ việc về ANTT (trong đó có 665 vụ cháy); tham gia quản lý, giáo dục 485 đối tượng. Ngoài ra lực lượng Dân phòng còn phối hợp

với lực lượng Công an, các ban ngành, đoàn thể tuyên truyền được 13.745 buổi, 65.124 lượt người tham dự nhằm vận động toàn dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, phòng, chống các loại tội phạm, đảm bảo an ninh trật tự.

Việc xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng Dân phòng để lực lượng này trở thành lực lượng nòng cốt trong xây dựng phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc cùng phong trào Toàn dân tham gia phòng cháy, chữa cháy ở cơ sở sẽ góp phần quan trọng nhằm xây dựng thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận quốc phòng toàn dân, tạo thế liên hoàn vững chắc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

- Chính sách đề nghị ban hành nhằm tạo cơ sở pháp lý, quy định cụ thể về tổ chức, hoạt động, mức hỗ trợ, định mức trang bị phương tiện và điều kiện đảm bảo cho lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Qua đó tiếp tục xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, để lực lượng dân phòng thực sự là tổ chức quần chúng tự quản, tự phòng của cộng đồng dân cư, làm nòng cốt trong phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH ở cơ sở trong thời gian tới, góp phần đảm bảo ANTT, phục vụ hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Thể hiện sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền các cấp đối với lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Về tổ chức lực lượng dân phòng

1.1. Thực hiện theo quy định tại Luật PCCC, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật PCCC và Nghị định 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ

- Nghị quyết số 184/2010/NQ-HĐND quy định Đội dân phòng được thành lập ở các xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, số lượng không quá 15 người, thẩm quyền thành lập Đội dân phòng là của Chủ tịch UBND tỉnh. Tuy nhiên quy định này không còn phù hợp với các quy định của cơ quan Trung ương ban hành, cụ thể:

+ Theo quy định tại Điều 44 Luật PCCC, tại mỗi thôn (thôn là gọi tắt của thôn, làng, ấp, bản, phum, sóc, tổ dân phố) phải thành lập Đội dân phòng. Đội dân phòng do chủ tịch UBND cấp xã quyết định thành lập và quản lý.

+ Tại Điều 6 Nghị định 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với khu dân cư. Khu dân cư là nơi sinh sống của cá nhân, hộ gia đình được bố trí trên phạm vi thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố và đơn vị dân cư tương đương (gọi chung là thôn). Một thôn được xác định là một khu dân cư thuộc diện quản lý về phòng cháy và chữa cháy; một trong những điều kiện an toàn PCCC đối với khu dân cư được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 6 là phải “có lực lượng dân phòng được huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và tổ chức sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ”.

+ Tại khoản 2 Điều 30 Nghị định 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định: Đội dân phòng có biên chế từ 10 người đến 20 người, trong đó 01 đội trưởng và 01 đội phó; biên chế trên 20 người đến 30 người được biên chế thêm

01 đội phó. Đội dân phòng có thể được chia thành các tổ dân phòng, biên chế của tổ dân phòng từ 05 đến 09 người, trong đó có 01 tổ trưởng và 01 tổ phó.

Để đảm bảo quân số thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ và giữ gìn ANTT, PCCC và CNCH phù hợp với diện tích, quy mô dân số tại các ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh và vẫn đảm bảo các quy định của các văn bản pháp luật liên quan, UBND tỉnh đề xuất quy định về thành lập lực lượng Dân phòng như sau:

- Thành lập Đội dân phòng tại các ấp, khu phố và tương đương (gọi chung là các ấp, khu phố) trên địa bàn tỉnh.

- + Đối với các ấp, khu phố có diện tích rộng, dân cư đông được thành lập Đội dân phòng có biên chế từ 21 người đến 30 người, trong đó có 01 Đội trưởng, 02 Đội phó. UBND tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn các tiêu chí xác định ấp, khu phố có diện tích rộng, dân cư đông.

- + Các ấp, khu phố khác được thành lập Đội dân phòng có biên chế từ 10 người đến 20 người, trong đó có 01 Đội trưởng, 01 Đội phó.

- + Đội dân phòng có thể được chia thành các tổ dân phòng; biên chế của tổ dân phòng từ 05 đến 09 người, trong đó có 01 tổ trưởng và 01 tổ phó.

- Thẩm quyền ban hành Nghị quyết: Hội đồng nhân dân tỉnh.

1.2. Đánh giá chính sách 1

- * Tác động về kinh tế - xã hội:

- Tác động tích cực:

- + Chính sách này quy định rõ số lượng thành viên Đội Dân phòng phù hợp điều kiện thực tế tại các ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh và quy định trong văn bản quy phạm pháp luật do Trung ương ban hành. Việc thành lập Ban dân phòng nhằm kịp thời huy động được nguồn nhân lực để thực hiện nhiệm vụ bảo đảm ANTT, PCCC và CNCH ở cơ sở trước yêu cầu phát triển nhanh, xu hướng đô thị hóa và nguy cơ cháy, nổ ngày một gia tăng ở các ấp, khu phố.

- + Đáp ứng yêu cầu nhân lực hỗ trợ lực lượng Công an xã trong việc bảo vệ và giữ gìn ANTT do thêm một số nhiệm vụ, quyền hạn cho Công an xã theo quy định mới được ban hành tại các xã không có lực lượng bảo vệ dân phố như: quy định về công tác phát hiện, điều tra xử lý tin báo tố giác tội phạm; thực hiện công tác đăng ký, quản lý phương tiện giao thông đường bộ; thực hiện đề án thu thập dữ liệu dân cư quốc gia và cấp căn cước công dân có gắn chip điện tử,...

- Tác động tiêu cực: Không có.

- * Tác động về giới: Chính sách này không phân biệt về quyền, nghĩa vụ và lợi ích giữa các giới.

- * Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh về các thủ tục hành chính.

- * Tác động đối với hệ thống pháp luật: Đảm bảo được tính hợp hiến, hợp pháp theo quy định, không làm ảnh hưởng đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện nay.

- Thẩm quyền ban hành: Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Chính sách 2: Nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng dân phòng

2.1. Xác định vấn đề bất cập

- Khoản 5 Điều 3 Luật PCCC năm 2001 quy định “Đội dân phòng là tổ chức gồm những người tham gia hoạt động PCCC, giữ gìn an ninh trật tự tại cơ sở”.

- Điều 45 Luật PCCC quy định nhiệm vụ của lực lượng dân phòng và lực lượng PCCC cơ sở:

+ Đề xuất UBND cấp xã ban hành quy định, nội quy an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

+ Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến thức phòng cháy và chữa cháy; xây dựng phong trào quần chúng tham gia phòng cháy và chữa cháy.

+ Kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành các quy định, nội quy an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

- Điều 28 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn cứu nạn, cứu hộ của lực lượng dân phòng:

+ Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện cứu nạn, cứu hộ, lập và tổ chức thực tập, diễn tập phương án cứu nạn, cứu hộ theo thẩm quyền.

+ Thực hiện các biện pháp, giải pháp về phòng ngừa và tổ chức cứu nạn, cứu hộ.

+ Thực hiện công tác cứu nạn, cứu hộ đối với các sự cố, tai nạn xảy ra trên địa bàn và khi được huy động.

+ Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, kiến thức và các biện pháp, kỹ năng cứu nạn, cứu hộ thuộc phạm vi quản lý.

Như vậy, ngoài thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực PCCC và CNCH được quy định cụ thể tại các văn bản pháp luật trên, Đội dân phòng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và giữ gìn an ninh trật tự tại cơ sở không được quy định cụ thể trong bất kỳ văn bản pháp luật nào. Trong khi đó, Đồng Nai có nhiều địa bàn xã, ấp rất rộng hoặc là nơi đông dân cư, có tính chất đặc thù như: tập trung các doanh nghiệp, nhà trọ, cơ sở sản xuất kinh doanh hay là địa bàn thuộc vùng sâu, vùng xa, địa hình đi lại khó khăn.... Bên cạnh đó, nhiều quy định mới được ban hành, trong đó có quy định một số nhiệm vụ, quyền hạn cho Công an xã như: nắm tình hình, tiếp nhận, giải quyết tin báo tố giác tội phạm, công tác bảo vệ hiện trường; thực hiện công tác đăng ký, quản lý phương tiện giao thông đường bộ; thực hiện đề án thu thập cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cấp căn cước công dân có gắn chíp điện tử, công tác PCCC và CNCH... đã đặt ra yêu cầu khách quan phải có lực lượng dân phòng phối hợp tham gia đảm bảo an ninh trật tự tại các xã và hiện nay, lực lượng dân phòng đang là lực lượng nòng cốt trong xây dựng phong trào toàn bảo vệ an ninh Tổ quốc cùng phong trào toàn dân tham gia PCCC ở cơ sở, góp phần xây dựng thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân, tạo thế liên hoàn vững chắc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Do vậy, cần ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới quy định chức năng, nhiệm vụ tham gia đảm bảo an ninh trật tự của lực lượng dân phòng ở các xã nhằm đảm bảo phát huy vai trò của lực lượng dân phòng trong thực hiện nhiệm vụ đảm bảo ANTT tại các xã trên địa bàn tỉnh đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Theo quy định tại Điều 45 của Luật PCCC và Điều 28 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ

của lực lượng dân phòng cơ sở (tức là ở cấp xã), quản lý theo quy định về thành lập Đội dân phòng tại khoản 2 Điều 30 Nghị định 136/2020/NĐ-CP thì 1 xã, phường, thị trấn được thành lập nhiều đội dân phòng.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Huy động nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ đảm bảo ANTT, PCCC, CNCH tại các xã không có lực lượng bảo vệ dân phố; nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ PCCC và CNCH tại các phường, thị trấn có lực lượng bảo vệ dân phố trong tình hình hiện nay.

2.3. Đề xuất các giải pháp chính sách

*** Kế thừa nội dung Nghị quyết 184/2010/NQ-HĐND, Quyết định số 71/2010/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ của Đội dân phòng tại các xã (không có lực lượng bảo vệ dân phố)**

Căn cứ tình hình thực tế về an ninh trật tự tại địa phương, ngày 26/10/2010, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 184/2010/NQ-HĐND về số lượng và chế độ chính sách cho Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, đồng thời UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 71/2010/QĐ-UBND ngày 23/11/2010 Quy định về tổ chức và hoạt động của Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, quy định rõ nhiệm vụ của lực lượng dân phòng gồm 9 nhiệm vụ chính:

+ Thường trực và tham gia giải quyết các vụ việc có liên quan đến an ninh trật tự ở địa phương theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

+ Tổ chức bảo vệ hiện trường, cấp cứu người bị nạn trong các vụ án, tai nạn giao thông, tai nạn lao động, cháy, nổ.v.v...

+ nắm tình hình an ninh trật tự, phối hợp bảo vệ an ninh trật tự các lễ, hội, hội nghị và phối hợp với lực lượng dân quân tuần tra bảo vệ an ninh trật tự trên địa bàn xã theo kế hoạch được phê duyệt của Chủ tịch UBND xã hoặc Trưởng Công an xã.

+ Tham gia phòng cháy, chữa cháy, phòng chống lụt, bão.

+ Tham mưu cho Công an xã về công tác bảo đảm an ninh trật tự.

+ Tham gia phòng chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; xây dựng nếp sống văn minh, ấp, khu phố văn hóa, gia đình văn hóa.

+ Bắt người phạm tội quả tang, đối tượng có lệnh truy nã và dẫn giải các đối tượng này về trụ sở Ủy ban nhân dân xã hoặc trụ sở, nơi làm việc của Công an xã.

+ Tham gia với lực lượng Công an kiểm tra nhân hộ khẩu, tạm trú, tạm vắng khi có chỉ đạo của Trưởng Công an xã, thị trấn.

+ Phối hợp lực lượng dân quân tự vệ và các tổ chức khác ở địa phương thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao cảnh giác, phòng chống tội phạm, phòng cháy, chữa cháy, giữ gìn an ninh trật tự ở địa phương và tham gia giải quyết các vụ việc theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

*** Tại các phường, thị trấn có lực lượng bảo vệ dân phố**

Thực hiện theo Luật PCCC, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật PCCC, Nghị định số 83/2017/NĐ-CP, Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

2.3.1. Giải pháp chính sách

a) Nhiệm vụ, quyền hạn của đội trưởng, đội phó đội dân phòng tại các phường, thị trấn:

- Đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quy định, nội quy an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, kiến thức, các biện pháp phòng cháy và chữa cháy, kỹ năng cứu nạn cứu hộ, xây dựng phong trào quần chúng tham gia phòng cháy và chữa cháy.

- Kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành các quy định, nội quy an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

- Thực hiện các biện pháp, giải pháp về phòng ngừa và tổ chức cứu nạn, cứu hộ; bảo vệ hiện trường các vụ cháy, nổ.

- Thực hiện công tác cứu nạn, cứu hộ đối với các sự cố, tai nạn xảy ra trên địa bàn và khi được huy động.

b) Nhiệm vụ quyền hạn của đội trưởng, đội phó đội dân phòng tại các xã

- Thực hiện các nhiệm vụ như của đội trưởng, đội phó đội dân phòng tại các phường, thị trấn.

- Thường trực và tham gia giải quyết các vụ việc có liên quan đến an ninh, trật tự ở xã theo chỉ đạo của Trưởng Công an xã.

- Tổ chức bảo vệ hiện trường, cấp cứu người bị nạn trong các vụ án, tai nạn giao thông, tai nạn lao động, phòng chống lụt bão.

- Nắm tình hình an ninh, trật tự ở xã; phối hợp bảo vệ an ninh, trật tự các lễ, hội, hội nghị và phối hợp với lực lượng dân quân tuần tra bảo vệ an ninh trật tự trên địa bàn xã theo kế hoạch được duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã hoặc Trưởng Công an xã.

- Tham gia phòng, chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; xây dựng nếp sống văn minh, ấp, khu phố văn hóa, gia đình văn hóa.

- Bắt người phạm tội quả tang, đối tượng có lệnh truy nã và dẫn giải các đối tượng này về trụ sở, nơi làm việc của Công an xã.

- Tham gia cùng lực lượng Công an xã kiểm tra việc chấp hành quy định về đăng ký, quản lý cư trú khi có chỉ đạo của Trưởng Công an xã.

c) Đội viên đội dân phòng

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy khi có cháy xảy ra; tham gia chữa cháy ở địa phương, cơ sở khác khi có yêu cầu.

- Thực hiện công tác cứu nạn, cứu hộ đối với các sự cố, tai nạn xảy ra trên địa bàn và khi được huy động.

2.3.2. Đánh giá tác động của giải pháp

* Tác động về kinh tế - xã hội:

- Tác động tích cực:

+ Chính sách này quy định cụ thể nhiệm vụ của Ban dân phòng, Đội trưởng, Đội phó, Đội viên Đội dân phòng, đặc biệt quy định thêm nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự của Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng tại các xã (chưa có lực lượng bảo vệ dân phố) là căn cứ để triển khai thực hiện đồng bộ trên địa bàn tỉnh, đáp ứng tình hình kinh tế - xã hội vùng nông thôn hiện nay, đang phát triển nhanh và xu hướng đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ; tội phạm hình sự, ma túy, cố ý gây thương tích, gây rối trật tự công cộng, trộm cắp tài sản, cho vay lãi nặng, các vấn đề về an ninh xã hội một số địa phương ngày một diễn biến phức tạp.

+ Chính sách này là tiền đề để quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng được thành lập tại các ấp, khu phố.

- Tác động tiêu cực: Không có.

* Tác động về giới: Chính sách này không phân biệt về quyền, nghĩa vụ và lợi ích giữa các giới.

* Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh về các thủ tục hành chính.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: Đảm bảo được tính hợp hiến, hợp pháp theo quy định, không làm ảnh hưởng đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện nay.

- Thẩm quyền ban hành Nghị quyết: Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Chính sách 3: Chế độ chính sách của lực lượng dân phòng

3.1. Xác định vấn đề bất cập

- Đội trưởng, Đội phó, Đội viên Đội dân phòng hiện hưởng phụ cấp theo Nghị quyết số 184/2010/NQ-HĐND và Điều 2 Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND; Quyết định số 71/2010/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2010 của UBND tỉnh quy định tổ chức và hoạt động của Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Hướng dẫn số 5198/HDLS-STC-CAT-BCHQST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của liên ngành Sở Tài chính, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh về việc hướng dẫn thực hiện một số chế độ quốc phòng - an ninh. Tại **chính sách 1**, Đội dân phòng được thành lập tại các ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh, do vậy số lượng Đội dân phòng tăng lên rất nhiều (934 Đội so với 119 Đội của Nghị quyết 184/2010/NQ-HĐND). Hiện tại Đồng Nai có 121 xã với 636 ấp, có 49 phường, thị trấn, trong đó có 298 khu phố. Dự kiến số lượng Đội trưởng Đội dân phòng 934 đồng chí, Đội phó Đội dân phòng 934 đồng chí, Đội viên Đội dân phòng dao động từ 9.340-18.680 đồng chí.

Căn cứ theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, tổng số đội trưởng, đội phó Đội dân phòng được hưởng phụ cấp hỗ trợ hàng tháng từ ngân sách nhà nước là 1.868 người (đội viên Đội dân phòng không được hưởng hỗ trợ hàng tháng), tăng 686 người so với định biên quy định tại Nghị quyết số 184/2010/NQ-HĐND; Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND và Quyết định số 71/2010/QĐ-UBND. Lý do: Thành lập thêm 298 Đội dân phòng tại 298 khu phố thuộc 49 phường, thị trấn thì số lượng đội trưởng, đội phó tăng thêm là 596 người.

- Ngày 24/11/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 136/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy (thay thế Nghị định số 79/2014/NĐ-CP). Tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP quy định: “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng, không quy định mức hỗ trợ cho các Đội viên Đội dân phòng; mức hỗ trợ căn cứ điều kiện thực tế của từng địa phương nhưng không thấp hơn 15% lương tối thiểu vùng”. Trong đó, Vùng I gồm Tp. Biên Hòa, Long Khánh, các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom, Xuân Lộc (mức lương tối thiểu vùng: 4.680.000 đồng, 15% tương ứng 702.000 đồng); Vùng II gồm huyện Định Quán, Thống Nhất (mức lương tối thiểu vùng: 4.160.000 đồng, 15% tương ứng 624.000 đồng); Vùng III gồm các huyện Cẩm Mỹ, Tân Phú (mức lương tối thiểu vùng: 3.640.000 đồng, 15% tương ứng 546.000 đồng). Mức phụ cấp tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP quy định đối với lực lượng dân phòng chỉ thực hiện nhiệm vụ PCCC và CNCH. Trong khi đó, bên cạnh nhiệm vụ PCCC, Đội dân phòng tại các xã còn thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự ở địa bàn xã, mức phụ cấp hiện hưởng chưa tương xứng với sự đóng góp của lực lượng dân phòng (*như đã phân tích tại tiểu mục 1.2, mục 1 phần I báo cáo này*).

- Tại Nghị quyết số 184/2010/NQ-HĐND và Điều 2 Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND không quy định rõ chế độ đối với lực lượng dân phòng trực tiếp tham gia chữa cháy, tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và các hoạt động CNCH. Tuy nhiên tại Điều 31 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và Điều 34 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP quy định chế độ, chính sách đối với người tham gia chữa cháy và đối với thành viên đội dân phòng. Ngày 30/6/2021, Bộ Lao động – Thương binh và xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn một số chế độ đối với người được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy, phục vụ chữa cháy, thành viên Đội dân phòng, Đội PCCC cơ sở và chuyên ngành tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC. Do đó cần thiết quy định chế độ đối với lực lượng dân phòng trực tiếp tham gia chữa cháy, tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và các hoạt động CNCH để đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho lực lượng dân phòng.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Cụ thể hóa quan điểm của Đảng và Nhà nước về chế độ, chính sách đối với lực lượng dân phòng. Qua đó, góp phần đảm bảo quyền lợi, nâng cao mức sống, nguồn thu nhập để khuyến khích, động viên các thành viên tham gia vào lực lượng dân phòng, từ đó huy động được nguồn lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Thống nhất, đồng bộ trong thực hiện các quy định, các chế độ, chính sách của Chính phủ và của tỉnh Đồng Nai đối với lực lượng dân phòng ở các ấp và khu phố.

3.3. Đề xuất các giải pháp chính sách

Trên cơ sở các quy định tại Nghị định 83/2017/NĐ-CP, Nghị định 136/2020/NĐ-CP, Thông tư 04/2021/TT-BLĐTBXH và tình hình kinh tế - xã hội đặc thù của tỉnh; UBND tỉnh đề xuất quy định mức phụ cấp, chế độ, chính sách cho lực lượng dân phòng như sau:

a) Mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng:

- Đội trưởng Đội dân phòng được hưởng mức hỗ trợ hàng tháng bằng 20% lương tối thiểu vùng.

- Đội trưởng Đội dân phòng ở các xã được hỗ trợ tăng thêm 600.000 đồng/người/tháng.

- Phó Đội trưởng Đội dân phòng được hưởng mức hỗ trợ hàng tháng bằng 18% lương tối thiểu vùng.

- Phó Đội trưởng Đội dân phòng ở các xã được hỗ trợ tăng thêm 500.000 đồng/người/tháng.

* Dự kiến số tiền chi cho giải pháp:

Tổng số tiền chi trong 1 năm: **27.278.016.000** (Bằng chữ: Hai mươi bảy tỉ hai trăm bảy mươi tám triệu không trăm mười sáu nghìn đồng).

(Dự toán kinh phí - Phụ lục số 1 kèm theo)

b) Mức hỗ trợ cho Đội viên Đội dân phòng

Theo quy định tại Nghị định 136/2020/NĐ-CP và Thông tư số 04/2021/TT-BLĐTBXH.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Giải pháp đảm bảo theo quy định tại Nghị định 136/2020/NĐ-CP, Nghị định 83/2017/NĐ-CP, Thông tư số 04/2021/TT-BLĐTBXH, mức hỗ trợ cho Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng tại các xã thuộc các Vùng khác nhau không chênh lệch quá nhiều (khoảng 100.000 đồng), đảm bảo mức sống, nguồn thu nhập của lực lượng này khi tham gia giữ gìn ANTT, PCCC và CNCH.

- Chính sách này đã có sự phân biệt và chênh lệch rõ ràng giữa Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng thực hiện nhiệm vụ đảm bảo ANTT tại các ấp (bao gồm nhiệm vụ PCCC và CNCH) và Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng chỉ thực hiện nhiệm vụ PCCC và CNCH tại các khu phố (chênh lệch 600.000 đồng đối với Đội trưởng và 500.000 đồng đối với Đội phó Đội dân phòng).

- Đảm bảo chế độ, quyền lợi của lực lượng dân phòng khi được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy, phục vụ chữa cháy, thành viên đội dân phòng tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy.

- Tác động về kinh tế - xã hội:

- + Tác động tích cực: Đối với mức phụ cấp và các khoản hỗ trợ như trước đây không còn phù hợp, do nhiệm vụ đảm bảo ANTT tại các xã do Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng thực hiện. Mức hỗ trợ đối với lực lượng này không thay đổi nhiều so với quy định trước đây, lực lượng dân phòng ở các xã trước đây tiếp tục được sử dụng để làm Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng tại các xã. Đối với các phường, thị trấn Đội dân phòng được thành lập để thực hiện nhiệm vụ PCCC và CNCH, mức hỗ trợ tương đương với mức hỗ trợ của tỉnh Bình Phước,

Cà Mau, cao hơn mức hỗ trợ của Tiền Giang (Đội trưởng: 17% mức lương tối thiểu vùng, Đội phó: 15% mức lương tối thiểu vùng).

+ Tác động tiêu cực: Không có.

- Tác động về giới: Chính sách này không phân biệt về quyền, nghĩa vụ và lợi ích giữa các giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Căn cứ Khoản 1, Khoản 2 Điều 34 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP quy định:

1. Người được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy và phục vụ chữa cháy theo lệnh triệu tập, huy động của người có thẩm quyền thì được hưởng chế độ như sau:

a) Nếu thời gian chữa cháy dưới 02 giờ được bồi dưỡng một khoản tiền bằng 0,3 ngày lương tối thiểu vùng;

b) Nếu thời gian chữa cháy từ 02 giờ đến dưới 04 giờ được bồi dưỡng một khoản tiền bằng 0,45 ngày lương tối thiểu vùng;

c) Nếu thời gian chữa cháy từ 04 giờ trở lên hoặc chữa cháy nhiều ngày thì cứ 04 giờ được bồi dưỡng một khoản tiền bằng 0,6 ngày lương tối thiểu vùng. Nếu tham gia chữa cháy vào ban đêm từ 22 giờ đến 6 giờ sáng thì được tính gấp 2 lần theo cách tính trên;

d) Trường hợp bị tai nạn, bị thương được thanh toán tiền khám bệnh, chữa bệnh; bị tai nạn làm suy giảm khả năng lao động theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa thì được xét trợ cấp tùy theo mức độ suy giảm khả năng lao động; bị chết thì được hưởng trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí. Những khoản chi chế độ nêu trên do tổ chức bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế chi trả theo quy định; nếu người đó chưa tham gia bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội thì do ngân sách địa phương hoặc cơ quan, tổ chức quản lý bảo đảm;

đ) Trường hợp bị thương thuộc một trong các trường hợp quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng thì được xét hưởng chính sách thương binh hoặc như thương binh;

e) Trường hợp bị chết thuộc một trong các trường hợp quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng thì được xét công nhận là liệt sỹ.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng; mức hỗ trợ căn cứ điều kiện thực tế của từng địa phương nhưng không thấp hơn 15% lương tối thiểu vùng.

4. Thành viên đội dân phòng khi tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy, mỗi ngày được hưởng trợ cấp một khoản tiền bằng 0,6 ngày lương tối thiểu vùng.

5. Đối tượng quy định tại khoản 4 Điều này khi tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy nếu bị tai nạn, tổn hại sức khỏe hoặc bị chết thì được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng

phí; trường hợp chưa tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thì do ngân sách địa phương hoặc cơ quan, tổ chức quản lý bảo đảm.

+ Căn cứ Điều 31 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP quy định chế độ, chính sách đối với người tham gia cứu nạn, cứu hộ và đối với cán bộ, đội viên đội dân phòng, đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở và đội phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành khi tham gia các hoạt động cứu nạn, cứu hộ:

Người được huy động tham gia cứu nạn, cứu hộ, cán bộ, đội viên Đội dân phòng, Đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở và Đội phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành khi tham gia các hoạt động cứu nạn, cứu hộ thì được hưởng các chế độ, chính sách như khi tham gia chữa cháy quy định tại Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013 và Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (nay là Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

+ Thông tư số 04/2021/TT-BLĐTBXH hướng dẫn cụ thể một số chế độ đối với người được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy, phục vụ chữa cháy, thành viên Đội dân phòng, Đội PCCC cơ sở và chuyên ngành tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC.

+ Bảo đảm được tính hợp hiến, hợp pháp theo quy định, không làm ảnh hưởng đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện nay.

- Thẩm quyền ban hành Nghị quyết: Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Chính sách 4: Trang bị trang phục, phương tiện, công cụ hỗ trợ cho lực lượng dân phòng:

4.1. Kế thừa nội dung các Nghị quyết số 184/2010/NQ-HĐND quy định về trang phục, phương tiện, công cụ hỗ trợ cho lực lượng dân phòng, Thông tư số 150/2020/TT-BCA quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành

a) Trang bị, trang phục

- Trang bị quần, áo đồng phục vải màu xanh, loại vải kaki, áo may kiểu Bluzon, mũ mềm, giày ba ta xanh, trên tay trái có gắn lô gô bằng vải màu đỏ in chữ Dân phòng màu vàng (riêng Đội trưởng, Đội phó có thêm chữ chức danh Đội trưởng, Đội phó trước chữ Dân phòng)

- Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng được cấp 01 bộ quần áo, 01 mũ bảo hiểm, 01 áo mưa, 01 đôi giày bata/người /năm.

- Đội viên Đội dân phòng được cấp 01 bộ quần áo, 01 mũ bảo hiểm, 01 áo mưa, 01 đôi giày bata/người/năm.

b) Cấp giấy chứng nhận, bảng tên

- Mẫu giấy chứng nhận, bảng tên do Công an tỉnh quy định.

- Công an cấp huyện cấp giấy chứng nhận, bảng tên theo mẫu quy định của Công an tỉnh.

c) Trang bị phương tiện PCCC, CNCH cho lực lượng dân phòng

- Số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trang bị cho 01 (một) đội dân phòng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành.

- Đối với lực lượng dân phòng đã được trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo định mức bằng hoặc cao hơn quy định tại Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 thì tiếp tục sử dụng cho đến khi phương tiện hết niên hạn sử dụng hoặc bị hỏng phải thay thế; trường hợp chưa được trang bị hoặc đã được trang bị nhưng thấp hơn số lượng quy định thì thực hiện theo Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư, trang bị các phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng để đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy.

- Việc quản lý, bảo quản, bảo dưỡng các phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trang bị cho đội dân phòng được thực hiện theo Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Bộ Công an quy định về quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Lực lượng dân phòng có thể được trang bị thêm một số loại phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cần thiết quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

d) Trang bị công cụ hỗ trợ

Đội Dân phòng được trang bị gậy cao su, đèn pin và các công cụ hỗ trợ khác phục vụ yêu cầu công tác đảm bảo an ninh trật tự.

đ) Nơi làm việc của Dân phòng

Tùy theo khả năng và điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân xã bố trí nơi làm việc phù hợp cho Đội Dân phòng, có trang bị những đồ dùng cần thiết.

4.2. Đánh giá chính sách 4

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Tác động tích cực: Việc trang bị phương tiện PCCC và CNCH cho lực lượng dân phòng theo Thông tư số 150/2020/TT-BCA và theo Phụ lục VI (mục 8, 9) ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, đặc thù hoạt động của lực lượng dân phòng hiện nay. Lực lượng dân phòng thực hiện nhiệm vụ PCCC và CNCH, trực tiếp tiếp cận với các nguy hiểm từ đám cháy (nhiệt độ cao, khói khí độc, sập đổ cấu kiện

xây dựng,...) và thực hiện nhiệm vụ CNCH, cần thiết phải trang bị trang phục và phương tiện bảo hộ cá nhân, phương tiện cứu người, phá dỡ nhằm đảm bảo an toàn sức khỏe, tính mạng cho lực lượng dân phòng khi thực hiện các nhiệm vụ chữa cháy và CNCH.

+ Tác động tiêu cực: Không có.

- Tác động về giới: Chính sách này không phân biệt về quyền, nghĩa vụ và lợi ích giữa các giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

- Đảm bảo được tính hợp hiến, hợp pháp theo quy định, không trái với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

- Tổng số tiền dự kiến trang bị phương tiện PCCC và CNCH cho lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh trong 1 năm: **9,857,436,000** (*Bằng chữ: Chín tỉ tám trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng*).

(*Dự toán kinh phí - Phụ lục số 2 kèm theo*)

- Thẩm quyền ban hành: Hội đồng nhân dân tỉnh.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

1. Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết được gửi đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và đăng tải lên Cổng Thông tin điện tử tỉnh.

2. Đề nghị các Bộ ngành Trung ương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đối tượng thụ hưởng sách có ý kiến về chính sách này.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. HĐND các cấp và Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp có trách nhiệm giám sát việc thực hiện các chính sách đối với lực lượng dân phòng trên địa bàn quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách hỗ trợ đối với lực lượng dân phòng.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện về mức phụ cấp, kinh phí hoạt động, trang bị phương tiện của lực lượng dân phòng./.

V. PHỤ LỤC

Các bảng, biểu tính toán chi phí và lợi ích của các giải pháp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Tài chính, Tư pháp;
- Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Chánh, Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS, THNC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Tiến Dũng

Phụ lục 1
Dự toán kinh phí chi cho lực lượng dân phòng theo chính sách 4 của lực lượng dân phòng
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND tỉnh ngày / /2022)

Vùng	Chức danh	Số lượng/ấp, khu phố	Số lượng ấp, khu phố	Số lượng toàn tỉnh	Số tiền chi/người/tháng (đồng)	Số tiền chi/tháng/toàn tỉnh (đồng)	Số tiền chi/năm/toàn tỉnh (đồng)
Vùng I	Đội trưởng Đội dân phòng ấp	1	353	353	1,536,000	542,208,000	6,506,496,000
	Đội trưởng Đội dân phòng khu phố	1	273	273	936,000	256,128,000	3,073,536,000
	Đội phó Đội dân phòng ấp	1	353	353	1,342,400	474,467,200	5,693,606,400
	Đội phó Đội dân phòng khu phố	1	273	273	842,400	230,575,200	2,766,902,400
Vùng II	Đội trưởng Đội dân phòng ấp	1	127	127	1,432,000	182,464,000	2,189,568,000
	Đội trưởng Đội dân phòng khu phố	1	13	13	832,000	11,416,000	136,992,000
	Đội phó Đội dân phòng ấp	1	127	127	1,248,800	159,197,600	1,910,371,200
	Đội phó Đội dân phòng khu phố	1	13	13	748,800	10,334,400	124,012,800
Vùng III	Đội trưởng Đội dân phòng ấp	1	156	156	1,328,000	207,768,000	2,493,216,000
	Đội trưởng Đội dân phòng khu phố	1	12	12	728,000	9,336,000	112,032,000
	Đội phó Đội dân phòng ấp	1	156	156	1,155,200	180,811,200	2,169,734,400
	Đội phó Đội dân phòng khu phố	1	12	12	655,200	8,462,400	101,548,800
Tổng chi							27,278,016,000

Phụ lục 2

Dự toán kinh phí chi trả phương tiện PCCC và CNCH cho lực lượng dân phòng theo giải pháp 4 của chính sách chế độ chính sách của lực lượng dân phòng

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND tỉnh ngày / /2023)

STT	Danh mục	Số lượng	Đơn vị tính	Niên hạn sử dụng	Số tiền dự kiến (theo báo giá của Trung tâm 4/10)	Số tiền/ 01 Đội	Số tiền/ toàn tỉnh
1	Bình bột chữa cháy 04kg	5	Bình	Theo quy định của nhà sản xuất	210,000	1,050,000	980,700,000
2	Bình khí chữa cháy 03kg	5	Bình	Theo quy định của nhà sản xuất	392,000	1,960,000	1,830,640,000
3	Đèn pin (độ sáng 200lm, chịu nước IPX4)	2	Chiếc	Hỏng thay thế	272,000	544,000	508,096,000
4	Rìu cứu nạn (trọng lượng 2kg, cán dài 70cm, chất liệu thép cacbon cường độ cao)	1	Chiếc	Hỏng thay thế	380,000	380,000	354,920,000
5	Xà beng (một đầu nhọn, một đầu dẹt; dài 100cm)	1	Chiếc	Hỏng thay thế	2,000,000	2,000,000	1,868,000,000
6	Búa tạ (thép cacbon cường độ cao, nặng 05kg, cán dài 60cm)	1	Chiếc	Hỏng thay thế	250,000	250,000	233,500,000
7	Kìm cộng lực (dài 60cm, tải cắt 60kg)	1	Chiếc	Hỏng thay thế	490,000	490,000	457,660,000
8	Túi sơ cứu loại A (Theo Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế)	1	Túi	Hỏng thay thế	1,550,000	1,550,000	1,447,700,000
9	Cáng cứu thương (kích thước 186cm x 51cm x 17cm, tải trọng 160kg)	1	Chiếc	Hỏng thay thế	2,330,000	2,330,000	2,176,220,000
Tổng					7,874,000	10,554,000	9,857,436,000